ĐẠI SỨ QUÁN HỢP CHỦNG QUỐC HOA KỲ
Phòng Thông tin - Văn hoá
Tầng 3, Rose Garden Tower, 6 Ngọc Khánh
Hà Nội, Việt Nam
(84-4) 831-4580 -- Fax: (84-4) 831-4601

WASHINGTON FILE
6/15/2000

MIỄN ÁP DỤNG ĐIỀU KHOẢN JACKSON-VANIK ĐỐI VỚI VIỆT NAM, NĂM 2000

Bản điều trần của Đại sứ Douglas Peterson

Tiểu ban Thương mại thuộc Uỷ ban Đường lối và Biện pháp của Hạ viện
Ngày 15 tháng 6 năm 2000

Thưa ông Chủ tịch, tôi xin cảm ơn ông vì một lần nữa lại mời tôi tới cùng tham khảo với ông về quyết định của Tổng thống miễn áp dụng một lần nữa điều khoản Jackson-Vanik vào năm nay. Kể từ lần miễn áp dụng đầu tiên được đưa ra vào tháng ba năm 1998 tới nay, việc làm này đã luôn là một phần thiết yếu trong chính sách gắn kết của chúng ta với Việt Nam. Tôi tin tưởng rằng việc gia hạn miễn áp dụng lần này nữa sẽ tiếp tục thúc đẩy những lợi ích quốc gia của Mỹ tại Việt Nam.

Trước khi bắt đầu cuộc thảo luận của chúng ta về thực trạng hiện nay của quan hệ Mỹ-Việt, tôi nghĩ rằng cần điểm qua lịch sử mối quan hệ của chúng ta. Sau ba tuần nữa chúng ta sẽ kỷ niệm 5 năm bình thường hoá quan hệ ngoại giao Mỹ-Việt. Năm nay cũng đánh dấu 25 năm sự sụp đổ của chế độ Sàigòn. Các dịp kỷ niệm sẽ mang lại một cơ hội hữu ích để định hình các mối quan hệ theo một triển vọng nhất định.

Khoảng thời gian từ 1975 đến 1995 là những năm tháng khó khăn, khi chúng ta đối mặt với những khác biệt về lịch sử và những cam kết giải quyết các vấn đề POW/MIA và xử lý việc hàng chục nghìn người tỵ nạn rời bỏ Việt Nam. Tiến bộ đạt được kể từ năm 1995 thì suôn sẻ hơn, nhanh chóng hơn và chắc chắn hơn rất nhiều. Ví dụ, các chương trình hợp tác về di cư thành công của chúng ta đã mở đường cho gần 500.000 công dân Việt Nam tới tái định cư lâu dài tại Mỹ.

Phần nhiều những gì đã đạt được trong 5 năm qua là trực tiếp nhờ vào sự hợp tác mạnh mẽ và hiệu quả của ngành hành pháp/tư pháp [Mỹ] và sự hợp tác đó đã được phát triển tương ứng với chính sách về Việt Nam. Tôi mong muốn được nhân cơ hội này cảm ơn các thành viên của tiểu ban này và các thành viên của Hạ viện về sự tiếp tục quan tâm tới quan hệ Mỹ-Việt. Các chuyến thăm của các vị tới Việt Nam, các cuộc gặp gỡ của các vị với các nhà lãnh đạo Việt Nam tới Oasinhtơn, và những sự can dự khác của quốc hội đối với hàng loạt các vấn đề đã củng cố thêm chính sách gắn kết của chúng ta. Hạ viện và các thành viên của Hạ viện đã thể hiện rõ, cả cá nhân lẫn công khai, cho các nhà lãnh đạo và nhân dân Việt Nam thấy rằng Mỹ vẫn cam kết thúc đẩy quan hệ Mỹ-Việt. Tiến bộ trong một số vấn đề song phương có lẽ sẽ không thể có được nếu không có sự trợ giúp trực tiếp của các thành viên của Quốc hội [Mỹ]. Về việc đó, tôi xin đặc biệt cảm ơn ngài Chủ tịch Archer, ngài Chủ tịch Crane và các thành viên của Tiểu ban vì sự hỗ trợ và tham khảo trực tiếp của các vị.

Nhìn lại 5 năm trước, có một chủ đề chung cho mọi vấn đề liên quan đến sự phát triển của mối quan hệ này; một nhân tố đáng được coi là bằng chứng từ kinh nghiệm của chúng ta tại Việt Nam – sự gắn kết đã thể hiện tác dụng. Chúng ta đã đạt được tiến bộ trong mọi vấn đề mà trong đó chúng ta có những lợi ích chung và cả hai bên đều cảm thấy thuyết phục về cam kết của bên kia để xây dựng một mối quan hệ. Mỗi bên đều có những động thái thúc đẩy tiến trình này -- Mỹ đã dỡ bỏ lệnh cấm vận thương mại và Việt Nam đã chấp nhận thừa kế việc giải quyết khoản nợ dài hạn và những khẳng định về quyền sở hữu tài sản. Việt Nam, thông qua gia nhập Diễn đàn Khu vực ASEAN và Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Châu á Thái bình dương, đã thể hiện mong muốn của mình trong việc đóng một vai trò xây dựng trong an ninh khu vực, các vấn đề thương mại, và sự phát triển kinh tế. Việt Nam

sẽ đảm nhận vai trò chủ tịch Uỷ ban thường trực ASEAN (ASC) và Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF) sau Cuộc họp Bộ trưởng ASEAN tháng bảy. Thay đổi này đánh dấu cơ hội đầu tiên Hà Nội đảm nhận những vị trí lãnh đạo trong ASEAN.

Trong quan hệ song phương, sự gắn kết ở mọi cấp đang tạo nên một tinh thần hợp tác giữa nhân dân hai nước chúng ta và tạo ra những kết quả trong những lĩnh vực quan trọng nhất đối với chúng ta -- POW/MIAs, di cư, nhân quyền, và cải cách kinh tế. Sự hợp tác của Việt Nam trong chính sách xuất nhập cảnh, vấn đề kiểm nghiệm đối với việc miễn áp dụng điều khoản Jackson-Vanik là thí dụ mẫu mực. Trong 5 năm trước, chúng ta đã hoàn thành gần như tất cả tiến trình nhập cư theo Chương trình Ra đi có Trật tự, tiểu chương trình những Cơ hội Tái định cư cho những người hồi hương Việt Nam (ROVR), chương trình Tái đào tạo cho những người từ trại cải tạo trở về ("HO") và các chương trình Montagnard. Từ lần phát biểu trước của tôi với các vị tới nay, đã có tổng số 3786 người rời khỏi Việt Nam và tái định cư tại Mỹ theo tất cả các chương trình tỵ nạn khác nhau của chúng ta.

Năm nay chúng ta đã chuyển những thủ tục tỵ nạn và tái định cư từ Đại sứ quán của chúng ta tại Bangkok về Tổng Lãnh sự quán với đầy đủ các dịch vụ tại TP Hồ Chí Minh. Sự di chuyển này đã tăng cường khả năng của chúng ta trong việc cung cấp những dịch vụ cấp thiết. Khi công việc này đã được hoàn thành khá trôi chảy thì có những vấn đề bắt đầu nảy sinh. Chúng tôi vẫn hi vọng sẽ hoàn thành quá trình xem xét đơn của những người xin cư trú có đủ điều kiện theo các chương trình ODP và ROVR vào cuối năm nay. Tôi muốn nhấn mạnh rằng chúng ta sẽ không coi các chương trình tị nạn của chúng ta là đã được hoàn thành cho đến khi tất cả những người xin cư trú đủ điều kiện đều đã có cơ hội được phỏng vấn, hoặc chúng ta có một sự giải thích có thể chấp nhận được về từng trường hợp. Các quan chức Việt Nam vẫn đang tiếp tục sự hợp tác tuyệt vời của họ trong năm vừa qua và chúng ta sẽ tiếp tục xây dựng dựa trên nền tảng vững chắc này để có được quyền phỏng vấn tất cả những ai mong muốn được phỏng vấn về việc tái định cư tại Mỹ theo tất cả các chương trình tỵ nạn và và các chương trình có liên quan khác. Tôi tin tưởng rằng việc gia hạn miễn áp dụng điều khoản Jackson-Vanik năm nay sẽ thúc đẩy hơn nữa sự phối hợp và hợp tác tuyệt vời mà chúng ta đang nhận được từ phía các quan chức Việt Nam.

Cũng như vấn đề di cư, chúng ta đã tạo lập được một tinh thần hợp tác đầy ấn tượng với nhân dân Việt Nam trong công cuộc tìm kiếm những quân nhân của chúng ta vẫn còn mất tích trong cuộc chiến tranh Việt Nam. Chuyến viếng thăm của Bộ trưởng Quốc phòng Cohen vào tháng ba đã mang lại một động lực to lớn thúc đẩy tiến bộ của chúng ta trong việc xây dựng các mối quan hệ giữa con người với con người vốn đang dần dần thay thế sự nghi ngờ bằng niềm tin và sự hiểu biết lẫn nhau. Điều này là hết sức quan trọng vào thời điểm này vì chúng ta đã hoàn tất những công việc dễ dàng; những nhiệm vụ trước mắt đang trở nên ngày càng khó khăn hơn. Giờ đây chúng ta đang tìm kiếm tại một số địa hình nguy hiểm và khó khăn nhất trên thế giới -- trong vùng rừng rậm rạp hoang sơ và trên đỉnh những ngọn núi hiểm trở. Chúng ta đối mặt với những điều kiện thời tiết không thể dự đoán được từ những cơn mưa xối xả đến những cơn gió dữ dội, cùng với những tình huống ngày càng nguy hiểm hơn liên quan đến việc phá bom. Tuy nhiên, các quân nhân nam nữ tình nguyện trẻ trung của Mỹ và Việt Nam vẫn tiếp tục dũng cảm vượt qua những điều kiện khó khăn và hết sức nguy hiểm này để tìm kiếm hài cốt của những người Mỹ mất tích. Chưa bao giờ tôi lại tự hào đến vậy khi tôi gặp gỡ những con người trẻ trung đó, phần nhiều họ đều sinh ra sau khi có những trường hợp mất tích mà giờ đây họ đang tìm kiếm.

Việt Nam tiếp tục ủng hộ Bốn Biện pháp Hợp tác trong vấn đề POW/MIA của Tổng thống. Kể từ năm 1993, 39 cuộc tìm kiếm chung trên thực địa đã được tiến hành tại Việt Nam, 288 hài cốt lính Mỹ đã được hồi hương, và hài cốt của 135 quân nhân Mỹ từng bị coi là mất tích nay đã được nhận dạng, kể cả 26 hài cốt từ tháng một năm 1999. Điều này có lẽ đã không thực hiện được nếu không có sự hợp tác song phương giữa Mỹ và Việt Nam. Trong số 196 người Mỹ trong danh sách những người được coi là còn sống sót, chỉ có 41 người chưa xác định được số phận, còn tất cả những người còn lại đều đã được xác định. Nhiều người trong số 41 người đó đã mất tích tại Lào và Campuchia. Cho đến nay, Việt Nam đã cung cấp 39 nhân chứng để tìm kiếm những vị trí có thể có người bị mất tích dọc biên giới và thuộc lãnh thổ Lào và Campuchia. Phía Việt Nam tiếp tục cung cấp các tài liệu và các thước phim cho các đội tìm kiếm. Kể từ năm 1993, khoảng 28.000 đầu mối đã được xem xét để tìm kiếm những thông tin có thể giúp tìm thấy những đồng đội đã ngã xuống của chúng ta. Như đã trình bày ở đây, sự hợp tác của Việt Nam đối với những nỗ lực của chúng ta để tìm kiếm những người Mỹ mất tích trong chiến tranh Việt Nam rất tuyệt vời và thiện ý; không có sự hợp tác như vậy thì không thể có câu trả lời cho nhiều gia đình có những ngươi lính mất tích. Tôi xin đảm bảo với các vị rằng công cuộc tìm kiếm những bằng chứng đầy đủ nhất về POW/MIA vẫn là ưu tiên số một trong chính sách đối ngoại của chúng ta với Việt Nam.

Kể từ khi tới làm việc tại Hà nội, tôi đã chứng kiến những cải thiện rất đáng kể về vấn đề nhân quyền tại Việt Nam. Đó không phải là một tình hình hoàn hảo và chúng ta còn có thêm nhiều việc cần làm để khuyến khích Việt Nam có những bước cải thiện

hơn nữa trong lĩnh vực quan trọng này. Tôi chia sẻ quan điểm với mối quan tâm sâu sắc của Quốc hội và người dân Mỹ về tình hình nhân quyền tại Việt Nam. Chúng ta đã xây dựng được một cuộc đối thoại nghiêm túc với phía Việt Nam về các vấn đề nhân quyền và chỉ mới tuần trước, chúng ta đã tổ chức các cuộc thảo luận cấp cao thường niên về nhân quyền với những người đại diện của Việt Nam chính tại đây, ở Oasinhtơn. Ngoại trưởng Albright đã nêu các vấn đề nhân quyền với giới lãnh đạo cấp cao trong chuyến viếng thăm của bà vào năm ngoái. Ngoài ra, tôi và các nhân viên thường xuyên làm việc với các quan chức Việt Nam để bảo đảm rằng vấn đề này luôn là hòn đá tảng trong quan hệ song phương. Tôi rất hài lòng thông báo rằng chính sách gắn kết và đối thoại của chúng ta đã tạo ra những kết quả đáng khích lệ.

Năm nay, Việt Nam đã tự do hoá chính sách của họ theo hướng chấp nhận việc công chúng thể hiện sự bất đồng và Đảng Cộng sản Việt Nam đã tiếp tục các nỗ lực cải cách các thủ tục về tranh luận nội bộ và cho phép một cơ chế để các công dân kiến nghị với chính phủ những thắc mắc, yêu cầu của họ. Chúng tôi đã chứng kiến bằng chứng về điều này trong rất nhiều các ấn phẩm khác nhau, nhưng một trong những minh chứng rõ nét nhất có thể thấy là việc các công dân Việt Nam bình thường mang theo những biểu ngữ yêu cầu thay đổi về các vấn đề kinh tế và chính trị trên các đường phố bên ngoài Toà nhà Quốc hội, tại đây các đại biểu Quốc hội hiện đang tham dự khoá họp. Một số biểu ngữ mà chính bản thân tôi được chứng kiến lên án các quan chức tham nhũng tại các địa phương quê hương của họ.

Bên cạnh đó, Việt Nam đã trả tự do cho gần 20 tù nhân tôn giáo và chính trị và hàng nghìn người khác được ra tù trong năm nay. Trong số những người được thả tự do có 12 người Hmong theo đạo tin lành và ba linh mục công giáo. Số người tham gia vào các hoạt động tôn giáo trên khắp cả nước tiếp tục tăng đáng kể. Các nhà thờ nhìn chung đều chật cứng vào những ngày lễ và vào những ngày kỷ niệm đặc biệt rất nhiều người theo đạo tới dự lễ. Vào khoảng 500.000 người theo đạo Hoà Hoả đã tập trung về tỉnh An Giang để kỷ niệm ngày hội tôn giáo và khoảng 200.000 người theo đạo Thiên chúa La mã đã tham dự cuộc hành hương La Vang hàng năm. Toà thánh Vatican và Việt Nam có đối thoại thường xuyên. Chúng ta cũng đang khuyến khích Việt Nam thừa nhận không chỉ một giáo phái thuộc nhóm các môn đồ Hoà Hảo. Đại sứ vì Tự do Tôn giáo Robert Seiple đã tới thăm Việt Nam năm ngoái và đã chứng kiến rất nhiều cải thiện và nhiều điều mới mẻ. Cho dù vẫn còn nhiều việc phải làm nhưng đã có nhiều tiến bộ và chúng ta mong muốn khuyến khích có nhiều tiến bộ hơn nữa trong tương lai.

Các điều kiện cho công nhân cũng đã được cải thiện. Tổ chức Lao động Quốc tế đã mở một văn phòng tại Hà Nội và đã nhanh chóng đi tới giúp Việt Nam thực hiện luật lao động mới của họ. Tổ chức Lao động Quốc tế cũng đang cung cấp sự trợ giúp về kỹ thuật để giúp thành lập nên một chương trình bồi thường và an sinh xã hội dành cho công nhân, cải thiện sức khoẻ nghề nghiệp và đặt ra tiêu chuẩn và giám sát về an toàn, đào tạo các công đoàn viên về đàm phán trong các thoả ước lao động tập thể, và xem xét lại các thủ tục làm việc ngoài giờ. Tổ chức Lao động Quốc tế cũng đã tiến hành một cuộc hội thảo kéo dài hai ngày tại Việt Nam để giúp các quan chức Việt Nam nhận thức về tầm quan trọng của các Hiệp định của Tổ chức Lao động Quốc tế số 138 và 182 về Lao động Trẻ em. Chúng ta hy vọng rằng AFL-CIO, cùng với Tổ chức Lao động Quốc tế, sẽ đem tới cho Việt Nam kinh nghiệm và sự giúp đỡ tuyệt vời của họ cho sự nghiệp bảo vệ các quyền của Công nhân trong tương lai gần.

Các vị cũng nên biết rằng đã có rất nhiều cuộc đình công (khoảng 60) của công nhân các cơ sở tư nhân và quốc doanh trong năm qua, chủ yếu là chống lại các công ty nước ngoài và liên doanh, nhưng cũng có một số cuộc đình công liên quan đến các hãng quốc doanh và tư nhân. Chính phủ Việt Nam đã chấp nhận các cuộc đình công này, thậm chí đa số các cuộc đình công đó là bột phát và được các tổ chức công đoàn ủng hộ sau khi sự việc xảy ra. Trong một số trường hợp chính phủ đã kỷ luật các ông chủ sử dụng lao động vì những hành vi bất hợp pháp đã dẫn đến đình công. Tháng 10 năm 1999, chính phủ đã giảm giờ lao động trong tuần cho những người làm công cho nhà nước và những người làm công của các công ty trong thành phần nhà nước từ 48 xuống còn 40 giờ.

Việc tổ chức Cuộc đối thoại Nhân quyền thường niên của năm nay là công việc dễ dàng nhất tôi đã từng được chứng kiến, và lần đầu tiên đoàn đại biểu của Việt Nam đã gặp gỡ các tổ chức phi chính phủ (NGO) về nhân quyền có trụ sở tại Mỹ. Trong cuộc đối thoại về nhân quyền diễn ra vào tuần trước, Trợ lý Bộ trưởng về Dân chủ, Nhân quyền và Lao động Harold Koh đã nêu vấn đề tự do ngôn luận, hội họp và tôn giáo, sắc lệnh về giam giữ hành chính của Việt Nam, những điều kiện của nhà tù, các quyền lao động, thông tin về các cựu tù nhân về chính kiến, cũng như những trường hợp giam giữ cụ thể mà chúng ta quan tâm. Đoàn đại biểu của Việt Nam cũng đã gặp gỡ Hội đồng về Tự do tôn giáo quốc tế. Không khí của các cuộc gặp gỡ đã diễn ra tốt đẹp hơn bao giờ hết. Tôi tin tưởng rằng cuối cùng chúng ta cũng đã xây dựng được sự hiểu biết sâu sắc lẫn nhau về vấn đề này và điều đó sẽ khuyến khích tinh thần hợp tác về các vấn đề nhân quyền.

Mở rộng quan hệ kinh tế giữa Mỹ và Việt Nam là một nhiệm vụ đầy thách thức khác. Cho dù chúng ta đã đạt được tiến bộ xuất sắc trong năm năm qua trong việc mở rộng xuất khẩu và đầu tư của Mỹ vào Việt Nam, song năm vừa qua vẫn là một năm rất đáng thất vọng. Có lẽ mối quan hệ này đang trải qua những khó khăn ngày càng lớn. Vào thời điểm khi tôi nói với các vị năm ngoái, chúng ta đang ở vòng thứ tám của các cuộc đàm phán thương mại với Việt Nam. Tháng bảy năm đó, chúng ta đã đạt được một thoả thuận trên nguyên tắc về hiệp định thương mại song phương. Tiếp theo các cuộc thảo luận về kỹ thuật vào tháng tám, chúng ta đã tràn đầy hy vọng về việc ký kết Hiệp định Thương mại song phương trong Cuộc họp thượng đỉnh APEC vào tháng chín, nhưng phía Việt Nam đã bỏ lỡ cơ hội vào phút cuối. Tôi biết rằng tất cả chúng ta đều rất thất vọng với kết quả này, bởi lẽ việc hoàn tất Hiệp định Thương mại Song phương sẽ đem lại những lợi ích thực sự cho cả hai phía. Hiệp định Thương mại Song phương không chỉ có thể mở ra những thị trường cho các công ty của Mỹ, mà việc thực thi những điều khoản của bản Hiệp định đó còn có nghĩa là, cùng với thời gian, các công dân Việt Nam sẽ có thể giành được quyền tự do quan trọng trong việc quyết định vận mệnh kinh tế của chính họ.

Tuy nhiên, tôi vẫn hy vọng rằng chúng ta có thể hoàn thành bản hiệp định này trước khi chính quyền hiện nay [của Mỹ] kết thúc nhiệm kỳ. Hiện nay, chúng ta đang chờ đợi Việt Nam đáp lại việc Đại diện Thương mại Mỹ vào ngày 17 tháng năm đã mời Bộ trưởng Thương mại của Việt Nam đến Mỹ thảo luận nhằm hoàn tất Hiệp định Thương mại Song phương. Lời mời của Bà đại sứ Barshefsky là để đáp lại lá vào thư tháng ba của phía Việt Nam liên quan đến những vấn đề mà phía Việt Nam mong muốn được làm rõ hơn nữa. Nếu không tiếp cận với thị trường của Mỹ theo những điều kiện cạnh tranh, Việt Nam không thể thu hút đầu tư trực tiếp và kiến thức của nước ngoài để có thể cạnh tranh với các nước láng giềng của họ trong ASEAN và với Trung Quốc trên các thị trường quốc tế.

Trong sáu tháng vừa qua, những chỉ số kinh tế vĩ mô được chọn lọc đã đem đến cho giới lãnh đạo Việt Nam một cảm giác nhẹ nhõm, và điều đó đã làm cho cải cách kinh tế bị chậm lại. Cho dù các luồng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đã suy giảm khi cải cách kinh tế ngừng trệ, nhưng lợi tức từ dầu tăng lên, xuất khẩu sang các đối tác thương mại khu vực đang phục hồi cũng được cải thiện, các khoản tiền Việt kiều ở nước ngoài gửi về tăng lên, và các khoản viện trợ phát triển chính thức gia tăng đã thúc đẩy kinh tế Việt Nam. Tăng trưởng đã nhích lên từ chưa đầy 4% một năm trước lên khoảng 5,6% trong quí một của năm nay, dường như xác nhận cho những lập luận về sự chậm lại của cải cách.

Tuy nhiên, chúng ta đã chứng kiến một số tiến bộ về cải cách kinh tế. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã đưa ra những qui định mới quan trọng và khôn ngoan và đã bắt đầu tiến hành những bước đi đầu tiên trong việc tái cơ cấu lại Các Ngân hàng Cổ phần chung và các Ngân hàng Thương mại Nhà nước. Quốc hội đã thông qua một bộ luật mới và quan trọng về đầu tư nước ngoài và bộ luật mới về Doanh nghiệp mà theo đó sẽ sắp xếp hợp lý hoá hơn hệ thống kinh doanh trong nước. Chính phủ đã đi tới đơn giản hoá việc cổ phần hoá, loại bỏ, chuyển giao, rao bán hoặc cho thuê các Doanh nghiệp Nhà nước qui mô nhỏ (SOEs) và cho phép người nước ngoài sở hữu cổ phần trong các Doanh nghiệp Nhà nước. Những bước đi nhỏ cũng đã được tiến hành đối với việc cải cách thương mại; chính phủ đã giảm thuế, tự do hoá các quyền xuất/nhập khẩu, dỡ bỏ một số yếu cầu cấp giấy phép nhập khẩu, và cải thiện những qui định về trao đổi ngoại tệ. Quốc hội cũng đã tạm thời gia hạn qui chế quan hệ buôn bán bình thường cho hàng hoá của Mỹ cho đến khi hoàn tất Hiệp định Thương mại Song phương.

Chương trình cải cách vẫn còn dài và những bước đi tiếp theo -- mở rộng cạnh tranh trong lĩnh vực tài chính, xoá bỏ hơn nữa những biện pháp bảo hộ cho các doanh nghiệp nhà nước và mở cửa hơn nữa với nền kinh tế toàn cầu -- có thể giúp người dân Việt Nam tự do thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế nhanh chóng hơn. Với khoảng 1,3 triệu người gia nhập thị trường việc làm mỗi năm, tốc độ tăng trưởng hàng năm của Việt Nam phải đạt khoảng 10% để tiếp nhận những người tìm kiếm việc làm mới và bắt kịp tốc độ của các nước láng giềng.

Năm vừa qua, các chương trình của Ngân hàng xuất-nhập khẩu, OPIC, Cơ quan thương mại và phát triển (TDA), và của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) có được nhờ việc miễn áp dụng điều khoản Jackson-Vanik đã bắt đầu có tác động tích cực đối với quan hệ thương mại Mỹ-Việt mà tất cả chúng ta đều mong muốn. Chương trình Người hợp tác của USDA đang nâng cao ý thức về chế độ ăn uống và có thể kích cầu đối với các sản phẩm nông nghiệp của Mỹ. Khối lượng 25.000 tấn lúa mì trao tặng theo điều 416(b) của Đạo luật Nông nghiệp năm 1949, đã được công luận [Việt Nam] đánh giá tích cực và tạo ra thiện chí trong nhân dân Việt Nam. Lúa mì đến với các tỉnh miền Trung Việt Nam ngay trước khi xảy ra các trận ngập lụt lớn đã làm tăng đáng kể nỗ lực nhân đạo của Mỹ trong việc cung cấp cứu trợ cho hàng nghìn người mất nhà cửa. Tiền thu được từ việc bán số lúa mì đó sẽ được dành cho các dự án cứu trợ thiên tai và phát triển nông thôn tại Việt Nam. Các dự án này góp phần tăng thiện chí của người Việt Nam đối với Mỹ. Cụ thể hơn, OPIC đã cho nhà phân phối địa phương của Caterpillar vay 2,3 triệu đôla để mở rộng các cơ sở vật chất

của công ty và OPIC đã thông qua một khoản cho vay trị giá 8 triệu đôla để xây dựng một nhà máy dược phẩm mới. Còn có thêm nhiều trường hợp về các dự án tài chính cũng đang được thảo luận. Cơ quan thương mại và phát triển đã tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp của Mỹ thông qua việc cung cấp tài chính cho các nghiên cứu khả thi và đào tạo kỹ thuật. Sau cùng, Ngân hàng xuất-nhập khẩu đã ký kết hai hiệp định cung cấp bảo đảm và các chương trình cho vay lần đầu tiên cho các nhà xuất khẩu Mỹ.

Việc miễn áp dụng điều khoản Jackson-Vanik vẫn là một ví dụ quan trọng nhất về sự hợp tác hành pháp/tư pháp trong chính sách đối ngoại và là một nhân tố thiết yếu của chính sách gắn kết với Việt Nam. Điều đó đã thúc đẩy sự hợp tác lớn hơn của phía Việt Nam trong tất cả hàng loạt các vấn đề song phương. Quốc hội [Mỹ] thông qua việc miễn áp dụng điều khoản này sẽ gửi đi một bức thông điệp quan trọng đến các nhà lãnh đạo và nhân dân Việt Nam rằng Mỹ muốn có một mối quan hệ hợp tác và xây dựng với Việt Nam. Những công cụ chính sách mà việc miễn áp dụng điều khoản Jackson-Vanik đem lại tạo nên các mối quan hệ giữa con người với con người và điều đó sẽ làm tăng cường sự tin tưởng giữa hai xã hội của chúng ta. Tôi tin tưởng rằng việc gia hạn miễn áp dụng Jackson-Vanik lần này sẽ thúc đẩy hơn nữa những lợi ích quốc gia của Mỹ tại Việt Nam. Tôi hối thúc các thành viên của Hạ viện ủng hộ việc tổng thống miễn áp dụng Jackson-Vanik.

Toàn văn bằng tiếng Anh của bài viết có trên Internet tại:
http://usembassy.state.gov/vietnam/wwwhta28e.html